|  |  |
| --- | --- |
| Logo  Description automatically generated | BỘ Y TẾ  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ** |

**PHỤ SẢN 2**

**OBSTETRICS AND GYNECOLOGY 2**

**Sản khó và Phụ khoa cơ bản**

**Difficulty of Obstetrics and Basic Gynecology**

**1. Thông tin về học phần**

Mã học phần: YY1603, YY1604

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 1 Thực hành: 2

Phân bổ thời gian: 105 Lý thuyết: 15 Thực hành: 90

Số giờ tự học: 30

Đối tượng người học: Y khoa

Học phần tiên quyết: Phẫu thuật thực hành, Ngoại cơ sở 1, 2

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Phụ Sản

Khoa: Khoa Y

**2. Mô tả học phần**

Học phần Phụ sản 2 cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về triệu chứng, chẩn đoán những trường hợp thai nghén khó khăn và một số bệnh lý xảy ra trong thai kỳ gây nguy hiểm cho tính mạng người mẹ và thai nhi, giúp người học biết cách chăm sóc một số trường hợp thai suy và cách hồi sức sơ sinh sau sanh bị ngạt; đồng thời giúp người học tư vấn hướng theo dõi một số bệnh lý phụ khoa thường gặp. Người học thực hành lâm sàng tại bệnh viện với các ca bệnh ngắn/ca bệnh dài với phương pháp truyền thống/cải tiến, thi thực hành bằng việc thăm khám ca bệnh dài, các điểm kiểm tra quá trình và đánh giá cuối kỳ được tích hợp thành điểm học phần theo quy định chung.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần này nhằm trang bị cho người học:

3.1. Kiến thức cơ bản chẩn đoán một số bệnh lý của thai phụ khi mang thai, một số bệnh lý phụ khoa thường gặp.

3.2. Khả năng thực hiện được các kỹ năng xử trí cơ bản trong lãnh vực sản bệnh lý và sản khó, đỡ đẻ và chăm sóc trước-sau sinh trong những trường hợp sản khó.

3.3. Khả năng tư vấn chăm sóc, dự phòng, phát hiện sớm sản bệnh lý, sản khó và các bệnh phụ khoa thường gặp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)** | **Lĩnh vực** | **Mức độ theo Bloom Taxonomy** |
| **CLO1** | Thực hiện chẩn đoán đúng loại bệnh lý thai phụ mắc phải và tư vấn kế hoạch quản lý thai nghén đúng | Kiến thức  Kỹ năng | *3*  *3* |
| **CLO2** | Thực hiện phân loại, theo dõi biến chứng cuộc sinh gặp vấn đề sinh khó, bệnh lý khi mang thai, một số bệnh lý phụ khoa lành tính… | Thái độ  Kỹ năng  Kiến thức | *3*  *3*  *3* |
| **CLO3** | Ứng dụng được các kiến thức xử trí cấp cứu, sản bệnh, sản khó và phụ khoa thường gặp | Thái độ  Kỹ năng | *3*  *3* |
| **CLO4** | Tư vấn, dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh lý cấp cứu sản khoa, sản bệnh lý, phụ khoa thường gặp | Kiến thức  Kỹ năng | *3*  *3* |

**5. Nội dung**

**5.1. Lý thuyết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiết** | |
| **Lý thuyết** | **Tự học** |
| Bài 1 | Sinh khó | 1 | 2 |
| Bài 2 | Bất thường nước ối | 1 | 2 |
| Bài 3 | Ngôi bất thường  Sinh non – Thai già tháng  Suy thai – Hồi sức sơ sinh | 3 | 6 |
| Bài 4 | Nhau bong non. Nhau tiền đạo. Vỡ tử cung | 2 | 4 |
| Bài 5 | Sẩy thai. Thai ngoài tử cung. Thai lưu. | 2 | 4 |
| Bài 6 | Chảy máu sau sinh | 1 | 2 |
| Bài 7 | Rối loạn tăng huyết áp trong thai kỳ | 2 | 4 |
| Bài 8 | Sinh lý phụ khoa  U xơ tử cung  U nang buồng trứng | 3 | 6 |
|  | **Tổng** | **15** | **30** |

**5.2. Thực hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiết** | | |
| **Tổng** | **Địa điểm thực hành** | |
| **Tại trường** | **Ngoài trường (BV/cơ sở TH)** |
| Bài 1 | Khởi phát chuyển dạ | 5 |  | 5 |
| Bài 2 | Sử dụng oxytocin trong sản khoa | 5 |  | 5 |
| Bài 3 | Hồi sức sơ sinh | 5 |  | 5 |
| Bài 4 | Sanh giúp | 4 |  | 4 |
| Bài 5 | Khám vú và các bệnh lý vú trong hậu sản | 5 |  | 5 |
| Bài 6 | Chuyển dạ ngưng tiến triển | 4 |  | 4 |
| Bài 7 | Suy thai | 4 |  | 4 |
| Bài 8 | U nang buồng trứng | 4 |  | 4 |
| Bài 9 | Tiền sản giật | 5 |  | 5 |
| Bài 10 | Ối vỡ sớm, OVN | 4 |  | 4 |
| Bài 11 | Nhau tiền đạo | 4 |  | 4 |
| Bài 12 | Ngôi bất thường | 4 |  | 4 |
| Bài 13 | U xơ tử cung | 4 |  | 4 |
| Bài 14 | Vết mổ cũ | 4 |  | 4 |
| Bài 15 | Thai quá ngày | 4 |  | 4 |
| Bài 16 | Thai ngoài tử cung | 4 |  | 4 |
| Bài 17 | Khám phụ khoa | 5 |  | 5 |
| Bài 18 | Thai lưu | 4 |  | 4 |
| Bài 19 | Sinh non | 4 |  | 4 |
| Bài 20 | Tư vấn ngừa thai sau sinh | 4 |  | 4 |
| Bài 21 | Chỉ định mổ lấy thai | 4 |  | 4 |
|  | **Tổng** | **90** |  | **90** |

**6. Phương pháp dạy – học**

**6.1. Lý thuyết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phương pháp dạy** | **Phương pháp học tập trên lớp** | **Vật liệu giảng dạy** |
| 1 | Thuyết trình ngắn gián đoạn | Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm nhỏ tại chỗ, phản hồi đôi | Giáo trình, bộ câu hỏi MCQ, máy tính, bài giảng powerpoint,… |
| 2 | Hỏi đáp nhanh | Lắng nghe, trả lời câu hỏi, động não nhanh, động não ghép đôi, phản hồi đôi | Bộ câu hỏi MCQ, mục tiêu bài giảng, bài giảng |
| 3 | Nêu vấn đề | Bài tập nhóm, thảo luận nhóm nhỏ tại chỗ, trao đổi, nộp sản phẩm thảo luận | Các vấn đề, câu hỏi, bài tập nhóm |
| 4 | Dạy học dựa trên bằng chứng | Phân chia chuyên đề, phân nhóm, nghiên cứu tài liệu, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận, phản hồi đôi | Chuyên đề, bài báo cáo chuyên đề |

**6.2. Thực hành lâm sàng tại cơ sở thực hành/bệnh viện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phương pháp dạy** | **Phương pháp học tập trên lớp** | **Vật liệu giảng dạy** |
| 1 | Dạy học bên giường bệnh (có người bệnh/không có người bệnh) | Dạy học ca dài hay ca ngắn truyền thống/ cải tiến | Người bệnh, hồ sơ bệnh án |
| 2 | Dạy học qua tình huống (case study) | Nghiên cứu tài liệu, làm bài tập tình huống, phân tích – tư duy, tình huống trên ca bệnh cụ thể | Bài tập tình huống, Bảng kiểm Mini-CEX |
| 3 | Dạy học mô phỏng | Nghiên cứu tài liệu, xem video clip, thực hành trên mô hình, thao tác trên dụng cụ, mô hình, thiết bị và bệnh nhân, làm bệnh án, viết bài báo các kết quả thực hành, thảo luận nhóm | Mô hình, bảng kiểm, tài liệu, video thủ thuật, kỹ thuật thăm khám |
| 4 | Cầm tay chỉ việc | Chia nhóm nhỏ, thực hành tại cơ sở, thực địa, trình ca bệnh 1 phút, peyton, phản hồi qua hồi cứu hồ sơ y học | Sổ tay người học, ghi chép bảng kiểm ca bệnh ngắn |

**6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc**

- Nghiên cứu tài liệu, đọc sách, tìm kiếm tài liệu…

- Nghiên cứu tài liệu, làm bài báo cáo trường hợp được phân công.

- Thảo luận nhóm nhỏ chính quy, không chính quy.

- Giao ban đêm trực, trình bệnh khi đi buồng, học thông qua mổ.

- Thực hành mô hình mô phỏng, đóng vai, cầm tay chỉ việc.

**7. Tài liệu dạy và học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thông tin về tài liệu** | **Số đăng ký cá biệt** |
| **Giáo trình** |  |
| 1. Bộ môn Sản (2021), *Giáo trình lý thuyết Sản Phụ khoa I* Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | GT.001904 |
| **Tài liệu hướng dẫn tự học** |  |
| 1. Bộ môn Phụ sản – Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh (2021), *Bài giảng sản khoa*, NXB Y Học.  2. Bộ môn Phụ sản – Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh (2021), *Y học sinh sản đại cương*, NXB Y học.  3. Đại học Y Dược Hà Nội (2020), *Bài giảng sản phụ khoa 1,2*, NXB Y Học.  4. Bộ môn Phụ sản – Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Y học sinh sản đại cương: Giáo trình dành cho chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa*, NXB Y học.  5. Bộ môn Phụ sản - Đại học Y Dược Huế (2021), *Giáo trình module 19 Phụ Sản 1 Dành cho chương trình đào tạo bác sĩ y khoa*, NXB Đại học Huế  6. Cunningham F., et al. (2018), *Williams Obstetris*, McGraw - Hill, 25th edition. | YCT.035200, YCT.035201  YCT.033263  YCT.026782  YCT.035096, YCT.035097  YCT.034803  YCTS.07679 |

**8. Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập**

**8.1. Thang điểm đánh giá**

Đánh giá theo thang điểm 10.

Phòng đào tạo đại học sẽ chuyển đổi từ thang điểm 10 về thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy định đào tạo tín chỉ.

**8.2. Phương pháp kiểm tra tự học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Hình thức đánh giá** | **Sản phẩm tự học** | **Tỷ lệ** |
| **Làm bệnh án tại nhà** | Chấm bệnh án | Bệnh án điều kiện | 20% |
| **Trực bệnh viện** | Giao ban | Sổ ghi chép, sổ giao ban | 20% |
| **Giải quyết tình huống** | Chấm bài tập, chấm ca bệnh Minicex | Bài trả lời trực tiếp | 50% |
| **Tự học trên E-learning** | Trắc nghiệm, bài tập nhóm | Bài kiểm tra tự học trên hệ thống E-learning | 10% |

**8.3. Phương pháp đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | **Phương pháp lượng giá** | | **Tỷ lệ** |
| **Lượng giá quá trình** | **Chuyên cần** | Sự tham gia đầy đủ giờ học | | 5% |
| Hỏi đáp, trả lời nhanh | | 5% |
| **Kiểm tra thường xuyên** | Trắc nghiệm | | 30% |
| Thảo luận nhóm | |
| Câu hỏi ngắn, MCQ | |
| Kết quả bài tập tự học | |
| **Lượng giá kết thúc** | **Thi kết thúc** | LT | Trắc nghiệm | 60% |
| TH | Kỹ năng thăm khám/vấn đáp, thi lâm sàng ca dài/chạy trạm kỹ năng |

**PHỤ LỤC**

**1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLOs**  **CLOs** | **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** | **PLO9** |
| **CLO1** | R | I | R | M,A | M,A | M,A | M,A | R | I |
| **CLO2** | R | I | R | M,A | M,A | M,A | M,A | R | R |
| **CLO3** | I | I | R | M,A | M,A | M,A | M,A | M | R |
| **CLO4** | I | I | R | M,A | M,A | M,A | M,A | R | R |
| **Học phần** | **R** | **I** | **R** | **M,A** | **M,A** | **M,A** | **M,A** | **M** | **R** |

**2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần**

| **CLOs**  **Phương pháp**  **Dạy – học** | **CLO1** | **CLO2** | **CLO3** | **CLO4** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm nhỏ tại chỗ, phản hồi đôi | I | M,A | R | R |
| Lắng nghe, trả lời câu hỏi, động não nhanh, động não ghép đôi, phản hồi đôi | I | M,A | M,A | I |
| Bài tập nhóm, thảo luận nhóm nhỏ tại chỗ, trao đổi, nộp sản phẩm thảo luận | I | M,A | M,A | M,A |
| Phân chia chuyên đề, phân nhóm, nghiên cứu tài liệu, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận, phản hồi đôi | I | M,A | M,A | M,A |

**3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLOs**  **Phương pháp**  **Kiểm tra đánh giá** | **CLO1** | **CLO2** | **CLO3** | **CLO4** |
| Sự tham gia đầy đủ giờ học | R | M,A | M,A | R |
| Hỏi đáp, trả lời nhanh | R | M,A | M,A | R |
| Thảo luận nhóm | R | R | R | R |
| Câu hỏi ngắn, MCQ | M,A | M,A | M,A | M,A |
| Kết quả bài tập tự học | M,A | M,A | M,A | M,A |
| Trắc nghiệm | M,A | M,A | M,A | M,A |
| Kỹ năng thăm khám/vấn đáp, thi lâm sàng ca dài/chạy trạm kỹ năng | M,A | M,A | M,A | M,A |

**4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần**

**4.1. Lý thuyết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLOs**  **Nội dung bài giảng** | **CLO1** | **CLO2** | **CLO3** | **CLO4** |
| Bài 1 | I | M,A | R | I |
| Bài 2 | I | M,A | M,A | I |
| Bài 3 | I | M,A | M,A | M,A |
| Bài 4 | I | M,A | M,A | M,A |
| Bài 5 | R | M,A | M,A | R |
| Bài 6 | R | M,A | M,A | R |
| Bài 7 | I | M,A | M,A | R |
| Bài 8 | R | R | M,A | R |

**4.2. Thực hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLOs**  **Nội dung bài giảng** | **CLO1** | **CLO2** | **CLO3** | **CLO4** |
| Bài 1 | I | M,A | R | I |
| Bài 2 | I | M,A | M,A | I |
| Bài 3 | I | M,A | M,A | M,A |
| Bài 4 | I | M,A | M,A | M,A |
| Bài 5 | R | M,A | M,A | R |
| Bài 6 | R | M,A | M,A | R |
| Bài 7 | I | M,A | M,A | R |
| Bài 8 | R | R | M,A | R |
| Bài 9 | I | M,A | M,A | M,A |
| Bài 10 | R | M,A | M,A | M,A |
| Bài 11 | R | R | M,A | M,A |
| Bài 12 | I | M,A | M,A | M,A |
| Bài 13 | I | M,A | M,A | M,A |
| Bài 14 | I | M,A | M,A | M,A |
| Bài 15 | R | M,A | M,A | M,A |
| Bài 16 | R | M,A | M,A | M,A |
| Bài 17 | M,A | M,A | M,A | M,A |
| Bài 18 | M,A | M,A | M,A | M,A |
| Bài 19 | M,A | M,A | M,A | M,A |
| Bài 20 | M,A | M,A | M,A | M,A |
| Bài 21 | M,A | M,A | M,A | M,A |

**5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học**

**5.1. Lý thuyết**

| **PP Dạy học**  **Bài giảng** | Thuyết trình ngắn gián đoạn | Hỏi đáp nhanh | Nêu vấn đề | Dạy học dựa trên bằng chứng |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài 1 | **X** | **X** |  | **X** |
| Bài 2 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 3 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 4 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 5 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 6 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 7 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 8 | **X** | **X** | **X** | **X** |

**5.2. Thực hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PP Dạy học**  **Bài giảng** | Dạy học bên giường bệnh (có người bệnh/không có người bệnh) | Dạy học qua tình huống (case study) | Dạy học mô phỏng | Cầm tay chỉ việc |
| Bài 1 | **X** | **X** |  |  |
| Bài 2 | **X** | **X** |  |  |
| Bài 3 | **X** | **X** |  |  |
| Bài 4 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 5 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 6 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 7 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 8 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 9 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 10 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 11 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 12 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 13 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 14 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 15 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 16 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 17 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 18 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 19 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 20 | **X** | **X** | **X** | **X** |
| Bài 21 | **X** | **X** | **X** | **X** |

**6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học**

**6.1. Lý thuyết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PP Kiểm tra đánh giá**  **Bài giảng** | Sự tham gia đầy đủ giờ học | Hỏi đáp, trả lời nhanh | Thảo luận nhóm | MCQ |
| Bài 1 | X | X | X | X |
| Bài 2 | X | X | X | X |
| Bài 3 | X | X | X | X |
| Bài 4 | X | X | X | X |
| Bài 5 | X | X | X | X |
| Bài 6 | X | X | X | X |
| Bài 7 | X | X | X | X |
| Bài 8 | X | X | X | X |

**6.2. Thực hành**

| **PP Kiểm tra đánh giá**  **Bài giảng** | Sự tham gia đầy đủ giờ học | Hỏi đáp nhanh | Thảo luận nhóm, bài tập tự học | Kỹ năng thăm khám/vấn đáp, thi lâm sàng ca dài/chạy trạm kỹ năng |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài 1 | X | X | X | X |
| Bài 2 | X | X | X | X |
| Bài 3 | X | X | X | X |
| Bài 4 | X | X | X | X |
| Bài 5 | X | X | X | X |
| Bài 6 | X | X | X | X |
| Bài 7 | X | X | X | X |
| Bài 8 | X | X | X | X |
| Bài 9 | X | X | X | X |
| Bài 10 | X | X | X | X |
| Bài 11 | X | X | X | X |
| Bài 12 | X | X | X | X |
| Bài 13 | X | X | X | X |
| Bài 14 | X | X | X | X |
| Bài 15 | X | X | X | X |
| Bài 16 | X | X | X | X |
| Bài 17 | X | X | X | X |
| Bài 18 | X | X | X | X |
| Bài 19 | X | X | X | X |
| Bài 20 | X | X | X | X |
| Bài 21 | X | X | X | X |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **Lê Văn Minh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Văn Lâm** |